

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công  
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 của HĐND huyện về việc thông qua quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C - nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 của HĐND huyện thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1579/TTr-TCKH ngày 14/11/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 cho các đơn vị thực hiện với tổng số vốn là 1.186 tỷ 259 triệu đồng, bao gồm:

- |                                  |                     |
|----------------------------------|---------------------|
| - Vốn phân cấp:                  | 132.830 triệu đồng. |
| - Vốn thu tiền sử dụng đất:      | 585.140 triệu đồng. |
| - Vốn các chương trình MTQG:     | 159.892 triệu đồng. |
| - Vốn tăng thu, kết dư:          | 166.397 triệu đồng. |
| - Vốn tỉnh hỗ trợ 110 phòng học: | 77.000 triệu đồng.  |
| - Vốn XDCB khác:                 | 65.000 triệu đồng.  |

(Cụ thể: theo Biểu chi tiết đính kèm).





**Điều 2.**

1. Giao các chủ đầu tư thực hiện ngay việc lập, trình thẩm định, phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo quy định.

2. Giao các đơn vị: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và định giá đất đối với dự án đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo nguồn thu theo dự toán được giao.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND huyện về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TTHU, TT.HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ VN huyện;
- Như Điều 3;
- LĐVP, CV(Tuyên);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**Q. CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hạ**





Biểu chi tiết: KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG HUYỆN HỚN QUẦN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Nguồn vốn ngân sách địa phương

Kèm theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND huyện Hớn Quản



DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND huyện)							Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)	
				Trong đó							Trong đó							
				Tổng số	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 110 phòng học	Vốn XDCB khác	Vốn tăng thu + kết dư	Tổng số	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 110 phòng học	Vốn XDCB khác		Vốn tăng thu + kết dư
	<b>Tổng cộng</b>		1.335.876	1.246.604	132.830	646.340	159.037	77.000	65.000	166.397	1.186.259	132.830	585.140	159.892	77.000	65.000	166.397	(60.345)
<b>A</b>	<b>Công trình chuyên tiếp</b>		68.429	8.434	8.434	-	-	-	-	-	8.434	8.434	-	-	-	-	-	-
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>		5.000	3.000	3.000	-	-	-	-	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-
1	Đường liên xã từ ấp Sóc Dầy xã Phước An đi cầu Xe Be thị trấn Tân Khai	86 ngày 17/10/2019	5.000	3.000	3.000						3.000	3.000						-
<b>II</b>	<b>Giáo dục</b>		18.185	3.750	3.750	-	-	-	-	-	3.750	3.750	-	-	-	-	-	-
1	Xây dựng trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1830 ngày 13/10/2019	9.985	1.650	1.650						1.650	1.650						-
2	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Phước An, xã Phước An	1865 ngày 29/10/2019	3.500	1.100	1.100						1.100	1.100						-
3	Xây dựng khối hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1829 ngày 23/10/2019	4.700	1.000	1.000						1.000	1.000						-
<b>III</b>	<b>Vốn tất toán các công trình đã quyết toán</b>			1.684	1.684	-	-	-	-	-	1.684	1.684	-	-	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>Công trình khởi công mới</b>		1.267.447	1.085.865	100.819	567.708	119.141	77.000	61.200	159.997	1.024.665	100.819	506.508	119.141	77.000	61.200	159.997	(61.200)
	<b>Công nghiệp</b>		6.500	6.100	-	2.000	1.500	-	-	2.600	6.100	-	2.000	1.500	-	-	2.600	-
1	Xây dựng mương thoát nước khu định canh định cư ấp Tăng Hách, xã An Phú	2216 ngày 31/12/2020	1.650	1.500			1.500				1.500			1.500				-
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Pitch, sân tập thể dục, nhà kho và bếp	3964 ngày 23/8/2021	2.850	2.600					2.600	2.600							2.600	-
3	Xây dựng hệ thống thoát nước đường nhựa trước UBND xã An Phú	3314 ngày 9/7/2021	2.000	2.000		2.000				2.000		2.000						-
	<b>Giao thông, thủy lợi và Hạ tầng đô thị</b>		845.600	777.439	59.823	456.420	83.235	-	61.200	116.761	747.839	59.823	431.820	83.235	-	56.200	116.761	(29.600)
1	Đường nhựa trước UBND xã An Phú	2213 ngày 31/12/2020	4.000	3.600			3.600				3.600		3.600					-
2	Làng nhựa đường từ ấp 1 đi ngã ba ấp 3, xã Minh Tâm	2215 ngày 31/12/2020	6.000	5.300		1.100	4.200				5.300		1.100	4.200				-
3	Làng nhựa đường ấp 3, xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiên - thị xã Bình Long	2214 ngày 31/12/2020	6.300	5.300		1.100	4.200				5.300		1.100	4.200				-
4	Làng nhựa đường nhựa từ ngã ba Sóc Vàng đi cầu thanh niên ấp 4	2155 ngày 31/12/2020	6.000	5.300		1.100	4.200				5.300		1.100	4.200				-
5	Hạ tầng KDC xã Tân Lợi (đường sỏi đỏ)	2158 ngày 31/12/2020	2.000	1.800	1.800						1.800	1.800						-
6	Đường nhựa ấp Núi Gió, xã Tân Lợi kết nối Thị xã Bình Long	2209 ngày 31/12/2020	6.000	5.400	5.400						5.400	5.400						-
7	Hạ tầng KDC Xa Trạch (đường sỏi đỏ) xã Thanh Bình	2211 ngày 31/12/2020	3.000	2.700	2.700						2.700	2.700						-
8	Xây dựng các tuyến đường D1, D3, N1, N2 và san nền khu 1,2 ấp 2 Đồng Nơ	1459 ngày 22/6/2021	12.000	9.000		9.000					9.000	9.000						-
9	Xây dựng đường Bắc Nam 4, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2201 ngày 31/12/2020	4.500	4.100		4.100					4.100	4.100						-





STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó						
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 110 phòng học	Vốn XD CB khác		Vốn tăng thu + kết dư	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 110 phòng học		Vốn XD CB khác
10	Xây dựng đường Bắc Nam 4A, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2202 ngày 31/12/2020	3.700	3.350		3.350				3.350		3.350					-
11	Xây dựng đường Bắc Nam 4B, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2203 ngày 31/12/2020	3.700	3.250		3.250				3.250		3.250					-
12	Xây dựng đường Bắc Nam 5, đoạn từ trục chính Đông Tây đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2204 ngày 31/12/2020	8.500	7.600	1.000	6.600				7.600	1.000	6.600					-
13	Láng nhựa đường từ trục chính khu phố 6 thị trấn Tân Khai đến ranh ấp 1, xã Đồng Nơ	2199 ngày 31/12/2020	7.500	6.800		5.400			1.400	6.800		5.400			1.400		-
14	Láng nhựa đường từ QL13 thị trấn Tân Khai đến cầu Xe Be ranh xã Phước An	2212 ngày 31/12/2020	6.500	6.000		-			6.000	6.000		-			6.000		-
15	Vốn phân cấp xã đầu tư các công trình, tuyến đường BTXM			180.151		117.852	4.200		58.099	180.151		117.852	4.200		58.099		-
16	Xây dựng đường nhựa từ ấp Bình Phú đi Sóc Rul, xã An Phú	3313 ngày 9/7/2021	7.600	6.600		5.600	1.000			6.600		5.600	1.000				-
17	Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ	4801 ngày 12/10/2021	10.600	9.500		2.300	7.200			9.500		2.300	7.200				-
18	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức - Đồng Nơ (đoạn từ đốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km	4802 ngày 12/10/2021	6.400	5.700		1.200	4.500			5.700		1.200	4.500				-
19	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức - Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng - Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	4800 ngày 12/10/2021	5.600	4.700		1.400	3.300			4.700		1.400	3.300				-
20	Nâng cấp đoạn đường ĐH Minh Đức - Đồng Nơ, đoạn từ ngã ba Bưu điện đến đốc Hương Cường dài 1,8km	4803 ngày 12/10/2021	11.000	7.700		7.700	-			7.700		7.700	-				-
21	Láng nhựa đường Sóc Ruộng xã Tân Quan	3338 ngày 12/7/2021	7.600	7.600	2.100				5.500	7.600	2.100				5.500		-
22	Nâng cấp đường vào mỏ cát xã Tân Hiệp	3312 ngày 9/7/2021	5.700	5.200		2.700			2.500	5.200		2.700			2.500		-
23	Nâng cấp đường sỏi đỏ vào Sóc Xoài Nhỏ, ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng	3311 ngày 9/7/2021	3.600	2.500					2.500	2.500					2.500		-
24	Xây dựng đường Đông Tây 9	4497 ngày 22/9/2021	18.000	7.978		7.978				7.978		7.978					-
25	Xây dựng đường tổ 11,12 khu vườn ươm ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	4798 ngày 12/10/2021	8.000	7.200		7.200				7.200		7.200					-
26	Nâng cấp đường từ ĐT 756 - Thuận An - Sóc Dâm - Địa Hạt, xã Thanh An	822 ngày 22/6/2022	18.000	15.000	4.700	2.300	8.000			15.000	4.700	2.300	8.000				-
27	Xây dựng các tuyến đường D2, N3, N4 KDC ấp 2, xã Đồng Nơ	4496 ngày 22/9/2021	7.600	6.900	6.900					6.900	6.900						-
28	Xây dựng hệ thống điện KDC ấp 2 xã Đồng Nơ	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	11.000	8.500		3.000			5.500	8.500		3.000			5.500		-
29	Nâng cấp đường ĐT 757 - Thanh Sơn, xã Thanh An	824 ngày 22/6/2022	8.000	7.500		5.500	2.000			7.500		5.500	2.000				-
30	Xây dựng đường An Quý - Xa Cò, xã Thanh An	4799 ngày 12/10/2021	10.000	7.000		7.000	-	Trang 2		7.000		7.000	-				-



STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)		
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó							
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 110 phòng học	Vốn XD CB khác		Vốn tăng thu + kết dư	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 110 phòng học		Vốn XD CB khác	Vốn tăng thu + kết dư
31	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua ấp Hưng Phát	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	15.000	12.500			12.500				12.500			12.500				-
32	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua Cầu Đức	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	10.000	9.000		-	6.000			3.000	9.000		-	6.000			3.000	-
33	Gia cố cống và mương thoát nước tại KM7+928 trên tuyến đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	38/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	2.400	1.800	1.800						1.800	1.800						-
34	Xây dựng đường Đông Tây 16 khu TTHC huyện	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	30.000	10.000	-	10.000					-	-	-					(10.000)
35	Xây dựng đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	15.000	13.500		13.500					13.500	13.500						-
36	Xây dựng đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	15.000	13.500		13.500					13.500	13.500						-
37	Xây dựng đường Bắc Nam 6 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 10	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	20.000	18.000	13.350	4.650					18.000	13.350	4.650					-
38	Xây dựng đường từ cống TTVH xã kết nối đường Trà Thanh - An Khương	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	500	500		500					500	500						-
39	Xây kè mương tuyến đường nhựa ĐT 756 nối ĐT 758 ấp Hưng Yên	5871 ngày 30/12/2021	2.400	2.200		2.200					2.200	2.200						-
40	Kinh phí hoàn thiện các tiêu chí đề huyện đạt chuẩn NTM	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	45.000	40.000		40.000					40.000	40.000						-
41	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL13 đi Phước An, huyện Hớn Quản	5876 ngày 30/12/2021	23.000	21.125	8.000	13.125					21.125	8.000	13.125					-
42	Xây dựng đường nhựa từ Trung tâm xã đi ấp 4 - xã Đông Nơ	09/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.800	3.500		3.500					3.500		3.500					-
43	Xây dựng đường Trường An - Sóc Dầy xã Phước An	09/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	5.700	4.500		4.500					4.500	4.500						-
44	Làng nhựa đường KP 1, KP 2 đoạn từ Ngã tư Quốc tế TT Tân Khai	990 ngày 4/8/2022	16.500	9.600	1.600				8.000		9.600	1.600				8.000		-
45	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân KP Tàu Ô thành nghĩa trang TT Tân Khai (giai đoạn 1)	996 ngày 4/8/2022	5.600	3.800	1.300				2.500		3.800	1.300				2.500		-
46	Xây Dựng Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn Từ Đông Tây 7 Đến Đông Tây 10)	1296 ngày 4/10/2022	44.000	28.800	2.000	13.088	-		13.712		22.800	2.000	7.088	-		13.712		(6.000)
47	Xây Dựng Đường Vào Suối Ba Tòng, Xã Đông Nơ (kết nối xã Minh Hưng)	1293 ngày 4/10/2022	5.000	3.500		2.200	1.300				3.500		2.200	1.300				-
48	Xây Dựng Đường từ ấp Sờ Xiêm, xã Tân Hưng kết nối đường Tân Hưng - Long Tân	1292 ngày 4/10/2022	15.000	13.500		13.500					13.500	13.500						-
49	Xây Dựng Đường Ranh Xã Minh Tâm, Huyện Hớn Quản Với Phường Hưng Chiến, Tx. Bình Long	1299 ngày 4/10/2022	22.000	19.400		19.400					19.400	19.400						-
50	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1	1280 ngày 3/10/2022	4.900	3.400	1.400	2.000					3.400	1.400	2.000					-
51	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 2	1281 ngày 3/10/2022	4.900	3.400	1.400	2.000					3.400	1.400	2.000					-
52	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 8, Khu phố 1, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1	1282 ngày 3/10/2022	4.900	3.400	1.400	2.000					3.400	1.400	2.000					-





STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó						
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tình hỗ trợ 110 phòng học	Vốn XD CB khác		Vốn tăng thu + kết dư	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tình hỗ trợ 110 phòng học		Vốn XD CB khác
53	Nâng cấp, sửa chữa khản cấp công ngang đường tổ 13, ấp 1A, xã Minh Đức	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	1.100	1.000		1.000				1.000		1.000					-
54	Xây Dựng Đường Ấp 2 -Sóc Vàng, Xã Minh Tâm Nổi Ấp Sóc Rul, Xã An Phú	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	9.000	7.119		4.000	3.119			7.119		4.000	3.119				-
55	Xây dựng mương thoát nước bên trái đường nhựa trước UBND xã An Phú	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	3.200	3.200			3.200			3.200			3.200				-
56	Nâng cấp, mở rộng đường và xây mương đường vào Trường MN, THCS, trạm y tế xã An Phú	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	1.800	1.719			1.719			1.719			1.719				-
57	Xây dựng đường từ Trường THCS Minh Đức đến nông trường cao su Bình Minh	1274 ngày 30/9/2022	6.000	4.185		1.100	3.085			4.185		1.100	3.085				-
58	Nâng cấp đường Bắc Nam 3 (Đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 11)	1600 ngày 18/11/2022	14.900	12.400	500	11.900				12.400	500	11.900					-
59	Nâng cấp đường Đông Tây 1 (Đoạn từ Quốc lộ 13 đến giao đường ĐT 756C)	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	14.500	11.100		11.100				11.100		11.100					-
60	Nâng cấp đường Đông Tây 4 (Đoạn từ Bắc Nam 1 đến đường Bắc Nam 7)	1599 ngày 18/11/2022	14.500	12.300		12.300				12.300		12.300					-
61	Xây dựng mương, kè, công ngang đường từ ngã 5, xã Tân Hưng đi hướng cầu Đức, xã Phước An	1602 ngày 18/11/2022	14.000	12.800		12.800				12.800		9.800			3.000		-
62	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ấp Đồng Tân đi ấp Chà Lon, xã Minh Đức	1604 ngày 18/11/2022	14.800	13.300	873	12.427				13.300	873	9.427			3.000		-
63	Nâng cấp đường Bắc Nam 1 (Đoạn từ Đông Tây 1 đến trục chính Đông Tây), Bắc Nam 2 (đoạn từ Đông Tây 1 đến Đông Tây 7)	1598 ngày 18/11/2022	14.800	12.400		7.400			5.000	12.400		7.400			5.000		-
64	Nâng cấp đường Đông Tây 3 (Đoạn từ QL 13 đến đường trục chính Bắc Nam), Đông Tây 4A, Đông Tây 5A, Đông Tây 6, Đông Tây 6A	1601 ngày 18/11/2022	14.900	12.100		12.100				12.100	1.600	10.500					-
65	Đầu tư hệ thống đèn tín hiệu giao thông TTHC huyện	09/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	5.800	5.000		5.000				5.000		5.000					-
66	Xây mương dọc đường nhựa tại vị trí tổ 7, ấp 1 xã Minh Tâm	24/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	250	250					250	250					250		-
67	Xây dựng mương thoát nước tại tổ 4, ấp Xa Trach 2	24/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	800	800					800	800					800		-
68	Xây dựng Hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện trung hạ thế khu U,V,X,Y của TTHC huyện	24/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	8.400	7.000	1.600	3.400			2.000	4.400	-	2.400			2.000		(2.600)
69	Nâng cấp, sửa chữa cầu Sóc Ứng, ấp Sóc Quà xã Tân Hưng	30/NQ-HĐND ngày 9/11/2023	1.800	1.412	-	1.412	-			1.412	-		1.412	-			-
70	Nâng cấp, xây dựng đường và cầu Bù Dinh – Thanh Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	85.000	30.000					30.000	20.000					20.000		(10.000)

Hội đồng 10/11



STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó						
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 110 phòng học	Vốn XD CB khác		Vốn tăng thu + kết dư	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 110 phòng học		Vốn XD CB khác
71	Xây dựng đường từ Trung tâm xã An Phú kết nối với đường phía Tây Quốc lộ 13 (hướng đi cụm công nghiệp Đại Tân).	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	60.000	15.000				15.000		12.000					12.000		(3.000)
72	Nâng cấp, kiên cố hóa suối Xa Cát	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	22.000	16.200				16.200		13.700					13.700		(2.500)
73	Nâng cấp tuyến đường QL13 vào Trung tâm y tế huyện Hớn Quản	25/NQ-HĐND ngày 12/11/2024	3.500	-						3.000					3.000		3.000
74	Xây dựng đường Đông Tây 11, giai đoạn 1 (đoạn từ QL13 đến đường Bắc Nam 3)	25/NQ-HĐND ngày 12/11/2024	1.700	-						1.500					1.500		1.500
	<b>Giáo dục</b>		<b>301.600</b>	<b>220.308</b>	<b>22.800</b>	<b>66.584</b>	<b>22.706</b>	<b>77.000</b>	<b>31.218</b>	<b>204.208</b>	<b>22.800</b>	<b>48.484</b>	<b>22.706</b>	<b>77.000</b>	<b>2.000</b>	<b>31.218</b>	<b>(16.100)</b>
1	Xây dựng 04 phòng học và nâng cấp nhà vệ sinh trường TH&THCS An Phú	3856 ngày 11/8/2021	2.600	2.100			2.100			2.100			2.100				-
2	Xây dựng 06 phòng chức năng Trường TH&THCS An Phú	3330 ngày 12/7/2021	5.000	4.100			1.100		3.000	4.100			1.100			3.000	-
3	Xây dựng bếp ăn, hàng rào, sân bê tông và làm mái che trường MN Minh Tâm	2207 ngày 31/12/2020	2.000	1.600		1.600	-			1.600		1.600	-				-
4	Sửa chữa 05 phòng học và xây mới nhà vệ sinh giáo viên trường TH&THCS Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	500	450					450	450						450	-
5	Xây dựng hàng rào điểm lẻ trường TH Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	400	350					350	350						350	-
6	Xây dựng 04 phòng học + tường rào + sân chơi trường MN Tân Lợi	3335 ngày 12/7/2021	4.500	2.940	1.000				1.940	2.940	1.000					1.940	-
7	Xây dựng 04 phòng học Trường MN Tân Hiệp	3334 ngày 12/7/2021	3.600	2.800					2.800	2.800						2.800	-
8	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Tân Hưng	3333 ngày 12/7/2021	13.500	8.000	3.700				4.300	8.000	3.700					4.300	-
9	Xây dựng 08 phòng học và nâng cấp sân bê tông trường THCS Đồng Nơ	3332 ngày 12/7/2021	7.100	5.600	2.400				3.200	5.600	2.400					3.200	-
10	Xây dựng Trường THCS Tân Khai	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	70.000	66.112	9.700	28.084	-	23.500	4.828	61.112	9.700	23.084	-	23.500		4.828	(5.000)
11	XD 12 phòng học trường TH&THCS Minh Đức	5917 ngày 31/12/2021	13.500	11.500		3.800	-	7.700		11.500		3.800	-	7.700			-
12	XD Trường Mầm non Minh Đức	5916 ngày 31/12/2021	22.000	22.000		7.500		4.500		17.000		2.500		4.500		10.000	(5.000)
13	Xây dựng 06 phòng hiệu bộ + 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Thanh Bình	5752 ngày 24/12/2021	5.700	5.000	1.200	1.000		2.800		4.500	1.200	500		2.800			(500)
14	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Trà Thanh	5877 ngày 30/12/2021	13.500	12.500	3.000	-		9.500		12.500	3.000	-		9.500			-
15	Xây dựng 04 phòng học Trường Mầm non Tân Lợi	55/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	3.500	2.500		1.500		1.000		2.500		1.500		1.000			-
16	Xây dựng 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Tân Hiệp	55/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	1.600	1.000				1.000		1.000				1.000			-



STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)		
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó							
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tỉnh hỗ trợ 110 phòng học	Vốn XD CB khác		Vốn tăng thu + kết dư	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tỉnh hỗ trợ 110 phòng học		Vốn XD CB khác	Vốn tăng thu + kết dư
17	Xây dựng 05 phòng hiệu bộ Trường THCS Tân Hưng	55/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	3.500	2.500		1.500		1.000			2.500		1.500		1.000			-
18	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Thanh Bình	792 ngày 7/5/2021	3.200	2.450	-		2.100			350	2.450	-		2.100			350	-
20	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Tân Hiệp	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	2.000	1.800		1.800					-		-					(1.800)
21	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	2.000	1.800		1.800					-		-					(1.800)
23	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS An Khương	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	2.000	1.800	1.800	-					1.800	1.800	-					-
24	XD 08 phòng học trường MN Thanh An	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	13.000	7.500		2.000	2.500	3.000			7.500		2.000	2.500	3.000			-
25	XD 04 phòng học + 06 phòng bộ môn trường TH Thanh An	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	14.800	7.500		2.000	2.500	3.000			7.500		2.000	2.500	3.000			-
26	Xây dựng 08 phòng bộ môn và các phòng chức năng, hành chính quản trị trường THCS Thanh An, xã Thanh An.	38/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	21.000	13.406		2.000	3.406	8.000			11.406		-	3.406	8.000			(2.000)
27	XD mương thoát nước, sân bê tông trường THCS Đồng Nơ	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	2.200	2.000		2.000					2.000		2.000					-
28	Xây dựng 10 phòng học Trường TH&THCS Tân Hiệp.	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	12.500	9.000			9.000				9.000			9.000				-
29	Xây dựng 08 phòng học + 08 phòng chức năng, bộ môn Trường Tiểu học Tân Khai B, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	23.400	6.000				6.000			6.000				6.000			-
30	Xây dựng 08 phòng học Trường Mầm non Tân Khai, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	14.100	6.000		2.000		4.000			6.000		2.000		4.000			-
31	Xây dựng 12 phòng học, bộ môn Trường Tiểu học Tân Hưng B, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	14.900	6.000	-	4.000		2.000			6.000	-	2.000		2.000	2.000		-
32	Đầu tư trang thiết bị cho các trường học	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	1.000	1.000		1.000					1.000		1.000					-
33	Đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn về trường chuẩn quốc gia		3.000	3.000		3.000					3.000		3.000					-
	<b>Văn hóa</b>		<b>51.132</b>	<b>35.647</b>	<b>6.000</b>	<b>22.900</b>	<b>5.797</b>	<b>-</b>	<b>950</b>	<b>25.647</b>	<b>6.000</b>	<b>12.900</b>	<b>5.797</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>950</b>	<b>(10.000)</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã An Phú (nhà văn hóa ấp Tầng Hách, Phở Lồ, Sóc Rul, An Tân)	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	1.000	800			800				800			800				-
2	Xây dựng nhà văn hóa ấp Bình Phú	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	750	700			700				700			700				-
3	Xây dựng nhà văn hóa ấp Hưng Lập B, xã Tân Hưng	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	750	700		700					700		700					-



STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)		
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó							
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 110 phòng học	Vốn XD CB khác		Vốn tăng thu + kết dư	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 110 phòng học		Vốn XD CB khác	Vốn tăng thu + kết dư
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Minh Tâm (nhà văn hóa ấp 1,2, sóc 5, sóc 6, sóc vàng)	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	1.200	1.000			1.000				1.000							-
5	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	750	700			700				700							-
6	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	750	700			700				700							-
7	Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa xã Minh Đức	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	3.000	3.000	3.000						3.000	3.000						-
8	XD nhà văn hóa, công nhà văn hóa ấp Sờ Nhi	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	785	785			785				785							-
9	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa sóc 5 xã Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	300	230			230				230							-
10	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Thanh Bình (nhà văn hóa ấp Đông Phát, Sóc Răng, Chà Lả, Xa Cát) và mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	512	512			512				512							-
11	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn xã Thanh An)	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	3.000	3.000	-	3.000					3.000	-	3.000					-
12	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	3.000	3.000	3.000						3.000	3.000						-
13	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của UBND xã Tân Hưng (Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn xã Tân Hưng)	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	3.000	3.000		3.000					3.000		3.000					-
14	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa ấp 23 Lớn, xã Phước An	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	750	500		500					500		500					-
15	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa sóc 6, sân BTXM nhà văn hóa ấp 3, công nhà văn hóa ấp 1, xã Minh Tâm		400	370			370				370		370					-
16	Xây dựng công hàng rào TTVH huyện	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	8.200	5.700		5.700	-				5.700		5.700	-				-
17	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Lông Hồ xã Tân Hưng	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	985	950					950		950					950		-
18	Trung tâm văn hóa TDTT huyện Hớn Quản (đối ứng ngân sách huyện)	2487 ngày 30/10/2018	22.000	10.000		10.000					-		-					(10.000)
<b>QLNN - AN NINH - QUỐC PHÒNG</b>			<b>47.365</b>	<b>40.121</b>	<b>8.196</b>	<b>17.654</b>	<b>5.803</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.468</b>	<b>34.621</b>	<b>8.196</b>	<b>11.154</b>	<b>5.803</b>	<b>-</b>	<b>1.000</b>	<b>8.468</b>	<b>(5.500)</b>
1	Xây dựng mở rộng Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa)	3308 ngày 9/7/2021	6.800	6.000	3.600	1.400			1.000		6.000	3.600	1.400				1.000	-
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, hội trường UBND xã Minh Đức và mua sắm trang thiết bị	4825 ngày 14/10/2021	1.500	1.500	1.500						1.500	1.500						-







STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó						
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 110 phòng học	Vốn XD CB khác		Vốn tăng thu + kết dư	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 110 phòng học		Vốn XD CB khác
C	Vốn phân cấp xã đầu tư XD NTM; NTM nâng cao			25.600	-	-	25.600			25.600	-	-	25.600			-	
D	Vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS			13.328		582	12.746			13.328		582	12.746			-	
E	Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			1.550			1.550			2.405			2.405			855	
F	Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021-2025			37.998	20.547	7.751	-		3.800	5.900	37.998	20.547	7.751	-	3.800	5.900	-
G	Vốn chuẩn bị đầu tư			7.080	3.030	3.550				500	7.080	3.030	3.550			500	-
H	Dự phòng			66.749	-	66.749	-	-	-	-	66.749	-	66.749	-	-	-	-

